|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /2025/TT-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm**

*Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2025 của   
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của   
Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin,*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm.*

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định nguyên tắc xây dựng và Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư, sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

b) Cơ quan nhà nước đặt hàng cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

# Điều 2. Nguyên tắc xây dựng Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm được xây dựng theo các tiêu chí[[1]](#footnote-1) quy định tại Điều 14 Luật Công nghiệp công nghệ số.

2. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm được bổ sung, sửa đổi phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật khác có liên quan.

# Điều 3. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm

Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

# Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Các dự án đầu tư, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm đã được áp dụng chính sách ưu đãi trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục hưởng các chính sách ưu đãi cho đến hết thời hạn ưu đãi theo quy định của pháp luật.

# Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 19/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin) để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam;  - Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);  - Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Bộ KHCN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan,  đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;  - Lưu: VT, CNCNTT (20b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

Phụ lục

DANH MỤC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ TRỌNG ĐIỂM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BKHCN ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Sản phẩm, dịch vụ** |
| **I** | **Nhóm sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường.[[2]](#footnote-2)** |
| 1 | Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt |
| 2 | Trợ lý ảo |
| 3 | Trí tuệ nhân tạo chuyên ngành |
| 4 | Trí tuệ nhân tạo phân tích |
| 5 | Bản sao số (Digital Twin) |
| 6 | Vũ trụ ảo (Metaverse) |
| 7 | Camera giám sát, camera an ninh, tích hợp công nghệ xử lý thông minh AI tại camera |
| 8 | Phần mềm nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu |
| 9 | Phần mềm nền tảng phát triển các sản phẩm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) |
| **II** | **Nhóm sản phẩm, dịch vụ điện toán đám mây, lượng tử, dữ liệu lớn**[[3]](#footnote-3) |
| 1 | Thiết bị và phần mềm của hệ thống điện toán đám mây |
| 2 | Dịch vụ điện toán đám mây |
| 3 | Dịch vụ điện toán lượng tử, truyền thông lượng tử |
| 4 | Trung tâm dữ liệu quy mô lớn. (Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo[[4]](#footnote-4), trung tâm cấp quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây, tính toán sương mù[[5]](#footnote-5)) |
| **III** | **Nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ Blockchain** |
| 1 | Sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ blockchain[[6]](#footnote-6) |
| 2 | Tài sản số, tiền số, tiền mã hóa[[7]](#footnote-7) |
| 3 | Hệ thống truy xuất nguồn gốc[[8]](#footnote-8) |
| **IV** | **Nhóm sản phẩm, dịch vụ mạng di động thế hệ sau (5G/6G)** |
| 1 | Thiết bị, giải pháp[[9]](#footnote-9) mạng truy cập vô tuyến 5G/6G[[10]](#footnote-10) |
| 2 | Thiết bị, giải pháp mạng lõi 5G/6G. [[11]](#footnote-11) |
| 3 | Thiết bị, giải pháp truyền dẫn IP tốc độ cao. [[12]](#footnote-12) |
| 4 | Điện thoại di động thông minh 5G/6G và các thế hệ mạng sau [[13]](#footnote-13) |
| 5 | Sợi quang, cáp quang và các thiết bị truyền dẫn, kết nối trong thông tin quang[[14]](#footnote-14) |
| **V** | **Robot và tự động hóa**[[15]](#footnote-15) |
| 1 | Robot di động tự hành. |
| 2 | Robot công nghiệp. |
| 3 | Thiết bị bay không người lái (UAV)[[16]](#footnote-16) |
| **VI** | **Nhóm sản phẩm, dịch vụ về bán dẫn[[17]](#footnote-17)** |
| 1 | Chip bán dẫn (Chip chuyên dụng, chip AI, chip IoT) [[18]](#footnote-18) |
| 2 | Nghiên cứu và phát triển thiết kế, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn [[19]](#footnote-19) |
| **VII** | **Nhóm sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng**[[20]](#footnote-20) |
| 1 | Thiết bị, phần mềm nền tảng định danh và xác thực điện tử |
| 2 | Sản phẩm an toàn thông tin mạng; sản phẩm an toàn cho thiết bị đầu cuối; sản phẩm an toàn lớp mạng; sản phẩm an toàn lớp ứng dụng; sản phẩm bảo vệ dữ liệu |
| **VIII** | **Khác [[21]](#footnote-21)** |
| 1 | Thiết bị, phần mềm nền tảng IoT trong hạ tầng thiết yếu |
| 2 | Phần mềm nền tảng số phục vụ triển khai 08 ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số được xác định trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia có quy mô người dùng lớn, tạo tác động tích cực thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số |
| 3 | Phần mềm cổng dịch vụ công và một cửa điện tử |
| 4 | Phần mềm điều hành tác nghiệp và quản lý văn bản |

1. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng một trong những tiêu chí sau:

   a) Thị trường trong nước có nhu cầu lớn và tạo ra giá trị gia tăng cao;

   b) Thị trường thế giới đang có nhu cầu và có tiềm năng xuất khẩu;

   c) Thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm chuyển đổi số quốc gia; có tác động tích cực, đột phá về đổi mới công nghệ và hiệu quả kinh tế các ngành, lĩnh vực. [↑](#footnote-ref-1)
2. I.1 – 6: Quyết định số 1131/QĐ-TTg Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược (QĐ1131);

   I.7: Quyết định 1066/QĐ-TTg về danh mục công nghệ lưỡng dụng (QDD1066): Camera giám sát, camera an ninh, tích hợp công nghệ xử lý thông minh AI tại camera thay thế cho Camera thông minh, camera AI và các phần mềm phân tích, xử lý và quản lý dữ liệu thu được từ camera tại TT19

   I.8,9: Thông tư 19/2021/TT-BTTTT(TT19) [↑](#footnote-ref-2)
3. II.1: TT19; II.2 – 4: QĐ1131 [↑](#footnote-ref-3)
4. Luật CNCNS [↑](#footnote-ref-4)
5. Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (QĐ127) [↑](#footnote-ref-5)
6. TT19 [↑](#footnote-ref-6)
7. QĐ1131 [↑](#footnote-ref-7)
8. QĐ1131 [↑](#footnote-ref-8)
9. TT19: Thiết bị, phần mềm mạng viễn thông 5G và các thế hệ sau [↑](#footnote-ref-9)
10. QĐ1131, Quyết định số 1132/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (QĐ1132), QĐ38 [↑](#footnote-ref-10)
11. QĐ1131, QĐ1132, QĐ38 [↑](#footnote-ref-11)
12. QĐ1131, QĐ1132, QĐ38 [↑](#footnote-ref-12)
13. Thông tư 19: Điện thoại di động thông minh 4G và các thế hệ mạng sau [↑](#footnote-ref-13)
14. TT19 [↑](#footnote-ref-14)
15. V.1, V.2: QĐ1131 [↑](#footnote-ref-15)
16. QĐ1131 QĐ1066: (III.5) phương tiện bay không người lái (UAV), phương tiện không người lái trên mặt nước (USV), phương tiện không người lái dưới mặt nước (UUV) và phương tiện không người lái trong các công trình ngầm (UGV) và (III.8) Công nghệ chế tạo UAV cỡ lớn phục vụ dân sinh, kiểm lâm, kiểm ngư [↑](#footnote-ref-16)
17. Ngành bán dẫn là nền tảng của mọi công nghệ hiện đại. Việc ưu tiên sản xuất chip bán dẫn và dịch vụ thiết kế, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn sẽ giúp Việt Nam nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu, giảm sự phụ thuộc vào nước ngoài và thu hút đầu tư chất lượng cao. Đây là lĩnh vực tạo ra giá trị gia tăng cao, đòi hỏi lực lượng lao động tay nghề cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp khác. Các công nghệ sản xuất tiên tiến (như 28nm) được Trung Quốc khuyến khích cho thấy đây là tiêu chuẩn cao trong ngành. [↑](#footnote-ref-17)
18. Luật CNCNS và QĐ1131 [↑](#footnote-ref-18)
19. Luật CNCNS “Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn” [↑](#footnote-ref-19)
20. TT19 [↑](#footnote-ref-20)
21. V.III.1: TT19 và QĐ1132: Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu;

    V.III.2 – 4: TT19 [↑](#footnote-ref-21)